

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày 18 - 01 - 2018

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, TP.HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Đăng Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thùy Linh

2. Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên toà: Ông Trần Công Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 737/2017/QĐXXST-KDTM ngày 22/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 821/2017/QĐST-KDTM ngày 21/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ: Phường L, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Quốc H, Chủ tịch Hội đồng thành viên; người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Mạnh H và ông Nguyễn Ngọc C, chuyên viên phòng thu hồi nợ (Văn bản ủy quyền số 07/QĐ-CT ngày 19/02/2016 của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Văn bản ủy quyền số 203/CÔNG TY C-UQ ngày 11/10/2016 của Phó Tổng Giám đốc CÔNG TY C), ông Nguyễn Ngọc C có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty P (sau đây gọi tắt là Công ty P; địa chỉ: Tổ 8 ĐP, phường V, quận K, TP.Hải Phòng,

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Duy T, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 2 ĐP, phường V, quận K, TP.Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế G (sau đây gọi tắt là Công ty G); địa chỉ: Đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V); địa chỉ: Đường P, phường P, quận HK, TP.Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: Đường TNH, quận L, TP.Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số: 3.2368.17 ngày 19/10/2017); ông Hàn Ngọc V, vắng mặt; ông Nguyễn Văn Tiếp, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty C, mua toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng V theo Hợp đồng mua, bán nợ số: 4118/2014/MBN.VAMC2-NGÂN HÀNG V ngày 25/9/2014. Theo đó, V đã chuyển giao quyền chủ nợ của khoản nợ là Hợp đồng tín dụng số 38.11.12.0007 ngày 15/3/2012 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung ngày 29/8/2012 giữa Công ty P vay vốn tại Ngân hàng V cho Công ty C; hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng và các Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho các khoản vay. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh phân bón, thời hạn vay theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ (tối đa không quá 05 tháng); lãi suất vay theo lãi suất áp dụng tại từng thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V cộng biên độ tối thiểu.

Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty P tổng số tiền là 60.000.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.01 ngày 15/3/2012 là 5.090.000.000 đ
- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.02 ngày 16/3/2012 là 9.800.000.000 đ
- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.03 ngày 19/3/2012 là 11.300.000.000 đ.
- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.04 ngày 20/3/2012 là 17.510.000.000 đ
- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.05 ngày 21/3/2012 là 2.900.000.000 đ
- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.06 ngày 22/3/2012 là 2.700.000.000 đ
- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.07 ngày 22/3/2012 là 3.400.000.000 đ
- Khế ước nhận nợ số: 38.11.12.0007.08 ngày 23/3/2012 là 7.300.000.000 đ

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên của Công ty P gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng 299,20 m² đất ở, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16-BĐDC-HL, địa chỉ: Lô số 116/BT-01/97 đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng; theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở số 313031130800132 do Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) quận H cấp ngày 20/10/2009, đăng ký sang tên cho bà Vũ Thị C ngày 17/9/2010. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 27/10/2010 giữa bà Vũ Thị C với Ngân hàng V, bảo đảm cho bên vay tiền là Công ty P. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Văn phòng ĐKQSDĐ) quận H, ngày

27/10/2010. Tài sản này bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên vay tiền gồm: tiền vay, lãi suất, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, LC và các nghĩa vụ trả nợ khác của bên vay tại Ngân hàng V từ ngày 30/9/2010 đến ngày 30/9/2020. Giá trị bảo đảm dư nợ tối đa cho bên vay là 14.372.000.000 đồng.

- Tài sản thứ 2: Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty P là phân bón các loại bao gồm cả hàng hóa đang được thế chấp tại Ngân hàng V. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp hàng hóa tồn kho luân chuyển (để tại kho của khách hàng). Hợp đồng thế chấp ngày 15/3/2012 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại TP.Hà Nội ngày 16/3/2012. Hàng hóa là 10.000.000 kg Đạm U rê Trung Quốc, trị giá 84.000.000.000 đồng. Nghĩa vụ được bảo đảm là các hợp đồng tín dụng giữa hai bên ký từ ngày 30/9/2010 đến ngày 30/9/2015. Ngân hàng V đồng ý cho bên thế chấp vay số tiền gốc cao nhất là 60% giá trị tài sản bảo đảm.

- Tài sản thứ 3: Quyền sử dụng 312,0 m² đất ở, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Lô số 112 BT01, số 97, đường B, P.HL, Q.H. TP.Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là QSDĐ), quyền sở hữu nhà ở (sau đây gọi tắt là QSHNỞ) và tài sản khác gắn liền với đất số: BH682037, sổ vào sổ cấp GCN: CH00017 ngày 17/4/2012 do UBND quận H, Hải Phòng cấp cho bà Vũ Thị C. Hợp đồng thế chấp QSDĐ, QSHNỞ của bên thứ ba là bà Vũ Thị C thế chấp bảo đảm cho Công ty P vay vốn tại NGÂN HÀNG V ngày 27/4/2012 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký QSDĐ quận H, Hải Phòng ngày 02/5/2012. Tài sản này bảo đảm cho một hoặc nhiều lần vay (vừa vay vừa trả nợ hoặc trả nợ xong khoản vay này để vay theo hợp đồng tín dụng khác) trong khoảng thời gian từ ngày 15/3/2012 đến ngày 15/3/2020 theo các hợp đồng tín dụng khác nhau, nhưng phải đảm bảo mức cho vay theo mỗi hợp đồng tín dụng, tổng nợ gốc tại mỗi thời điểm cho vay tối đa không quá 11.557.000.000 đồng.

- Tài sản thứ 4: Xe nâng đã qua sử dụng, nhãn hiệu FANTUZZI CS45KM, số khung 500884, số động cơ TWD1031VE*213*320514 của Công ty G. Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị của bên thứ ba là Công ty G bảo lãnh thế chấp cho Công ty P vay vốn tại Ngân hàng V ngày 24/8/2012 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại TP.Hà Nội, ngày 29/8/2012. Với giá trị tài sản này Ngân hàng V đồng ý cho Công ty P vay số tiền gốc cao nhất là 4.263.000.000 đồng.

- Tài sản thứ 5: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất, giá trị đầu tư trên diện tích 19.549,9 m² đất thuê tại xã LT, huyện AD, TP.Hải Phòng theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số BB 538504, sổ vào sổ cấp GCN: CT00561 ngày 28/12/2011 do UBND thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty P. Hợp đồng thế chấp ngày 24/8/2012 đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại TP.Hà Nội ngày 30/8/2012. Tài sản này bảo đảm Ngân hàng V cho bên thế chấp vay tổng số tiền nợ gốc là 5.299.109.000 đồng.

- Tài sản thứ 6: Quyền sử dụng 346,5m² đất ở, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Lô số 119 BT01, số 97 đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận

QSDĐQSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 627088, sổ vào sổ cấp GCN: CH00090 ngày 03/10/2012 do UBND quận H, Hải Phòng cấp cho bà Vũ Thị C. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký QSDĐ quận H ngày 14/12/2012. Tài sản này bảo đảm cho một hoặc nhiều lần vay (vừa vay vừa trả nợ hoặc trả nợ xong khoản vay này để vay theo hợp đồng tín dụng khác) trong khoảng thời gian từ ngày 15/3/2012 đến ngày 15/3/2020 theo các hợp đồng tín dụng khác nhau, nhưng phải đảm bảo mức cho vay theo mỗi hợp đồng tín dụng, tổng nợ gốc tại mỗi thời điểm cho vay tối đa không quá 11.783.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty P liên tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như lộ trình đã cam kết giữa hai bên. Việc vi phạm thời hạn thanh toán dẫn đến các khoản vay của Công ty P đã phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 25/12/2012. Ngân hàng V đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho Công ty P trả nợ. Tuy nhiên, đến ngày 27/9/2016 Công ty P mới thanh toán được 6.873.143.395 đồng tiền nợ gốc, dư nợ còn lại vẫn đang bị quá hạn. Ngày 25/9/2014, Ngân hàng đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty P cho Công ty C theo hợp đồng mua bán nợ số 4118/2014/MBN.VAMC2-VIB, đồng thời Ngân hàng V nhận ủy quyền từ Công ty C tiếp tục thực hiện các quyền của chủ nợ đối với Công ty P. Đến nay, Công ty P vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, các bên thế chấp không bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ theo thỏa thuận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty P đã trả được số tiền nợ gốc là: 12.013.143.359 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn chưa trả và đã xóa thế chấp tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 299,20 m² đất ở, QSHNỞ và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16-BĐĐC-HL, địa chỉ: Lô số 116/BT-01/97 đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng.

Nay Công ty C yêu cầu Tòa án buộc Công ty P phải trả số tiền tính đến ngày xét xử là: 118.972.750.003 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 47.986.856.605 đồng, lãi trong hạn là: 2.127.447.227 đồng, lãi quá hạn là: 68.858.446.171 đồng.

Trường hợp Công ty P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho Công ty C, thì đề nghị xử lý các tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ.

Đại diện của Ngân hàng V đồng ý với ý kiến của Công ty C và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

- Đại diện bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, cho nên không có lời khai.

Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận xét ở phần nhận định của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự vào ngày 27/10/2017 và ngày 21/11/2017, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị

đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ và công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, TP.Hải Phòng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Hợp đồng mua, bán nợ; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty C đã mua toàn bộ khoản nợ xấu của Ngân hàng V theo Hợp đồng mua, bán nợ số 4118/2014/MBN.VAM2-VIB ngày 25/9/2014. Khoản nợ mà Ngân hàng V bán cho Công ty C là Hợp đồng tín dụng số 38.11.12.0007 ngày 15/3/2012 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung ngày 29/8/2012 giữa Công ty P vay vốn tại Ngân hàng Ngân hàng V, Chi nhánh N. Theo Hợp đồng tín dụng trên và các khế ước nhận nợ thì Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty P theo các khế ước nhận nợ tổng số tiền là 60.000.000.000 đồng. Đồng thời Ngân hàng V nhận ủy quyền từ Công ty C tiếp tục thực hiện các quyền của chủ nợ đối với Công ty P. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty P đã trả được số tiền là: 12.013.143.359 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn chưa trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty P còn nợ Công ty C tổng số tiền là: 118.972.750.003 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 47.986.856.605 đồng, lãi trong hạn là: 2.127.447.227 đồng, lãi quá hạn là: 68.858.446.171 đồng.

Xét thấy Hợp đồng tín dụng được ký kết bởi người có thẩm quyền, nội dung và hình thức đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép. Do đó, hợp đồng phát sinh hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Công ty C đã mua lại toàn bộ khoản nợ nêu trên, cho nên Công ty C có quyền sở hữu toàn bộ khoản nợ nêu trên và có quyền khởi kiện.

Nay Công ty C khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty P phải trả nợ số tiền nêu trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Công ty C buộc Công ty P phải trả số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 118.972.750.003 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 47.986.856.605 đồng, lãi trong hạn là: 2.127.447.227 đồng, lãi quá hạn là: 68.858.446.171 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc, là phù hợp với quy định tại các điều 274, 275, 278 280, 282, 463, 465, 466, 467, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về việc Công ty C yêu cầu trong trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ. Xét thấy, các hợp đồng thế chấp tài sản đều được ký kết tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết. Do đó, khi bị đơn không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp đã ký kết là đúng quy định tại các điều 292, 293, 295, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 430, 450 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006, của

Chính phủ quy định "Về giao dịch bảo đảm" và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên, tại các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định cho đến ngày xét xử sơ thẩm các tài sản thế chấp trong hợp đồng có sự thay đổi như sau:

- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty P là phân bón các loại bao gồm cả hàng hóa đang được thế chấp tại Ngân hàng V. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp hàng hóa tồn kho luân chuyển (để tại kho của khách hàng) đến nay không còn.

- Quyền sử dụng 346,5m² đất ở, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16, tại địa chỉ: Lô số 119 BT01, số 97, đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng, đến nay ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất đã bị phá dỡ. Đất có 2 mảnh ở giữa có đường nội bộ ghép gạch đi ra cổng; một mảnh làm vườn trồng rau có hệ thống tưới nước bằng nhựa, ở các góc vườn có 03 cây cảnh to, 01 cây bưởi; một mảnh vườn trồng hoa hồng, có 02 cây xoài.

Như vậy, trong trường hợp tài sản thế chấp có biến động thì các đương sự cũng đã có thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp, về các trường hợp thuộc tài sản bảo đảm bổ sung. Trường hợp tài sản thế chấp không còn hoặc không còn nguyên giá trị do lỗi của bên nhận thế chấp, bên thế chấp thì các bên cùng phải chịu trách nhiệm. Do tài sản thế chấp là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty P là phân bón các loại bao gồm cả hàng hóa đang được thế chấp tại Ngân hàng V thực tế đến nay không còn. Vì vậy, yêu cầu này của Công ty C là không được chấp nhận. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn xử lý các tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C, buộc Công ty P phải trả nợ cho Công ty C, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 118.972.750.003 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 47.986.856.605 đồng, lãi trong hạn là: 2.127.447.227 đồng, lãi quá hạn là: 68.858.446.171 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Trong trường hợp Công ty P không trả được nợ thì Công ty C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng 312,0 m² đất ở, QSHNỞ và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Lô số 112 BT01, số 97, đường B, P. HL, Q. H. TP.Hải Phòng theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số: BH682037, số vào sổ cấp GCN: CH00017 ngày 17/4/2012 do UBND quận H, TP.Hải Phòng cấp cho bà Vũ Thị C.

- Tài sản thứ 2: Xe nâng đã qua sử dụng, nhãn hiệu FANTUZZI CS45KM, số khung 500884, số động cơ TWD1031VE*213*320514 của Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế G.

- Tài sản thứ 3: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất, giá trị đầu tư trên diện tích 19.549,9 m² đất thuê tại xã LT, huyện AD, TP.Hải Phòng theo Giấy chứng nhận

QSDĐ số BB 538504, số vào sổ cấp GCN: CT00561 ngày 28/12/2011 do UBND thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty P.

- Tài sản thứ 4: Quyền sử dụng 346,5m² đất ở, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Lô số 119 BT01, số 97, đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNỞ và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 627088, số vào sổ cấp GCN: CH00090 ngày 03/10/2012 do UBND quận H, TP.Hải Phòng cấp cho bà Vũ Thị C.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được hoàn trả.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán còn một số thiếu sót như: Thụ lý vụ án quá thời hạn nộp tạm ứng án phí, không giao Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử cho Viện Kiểm sát, một số tài liệu là bản phô tô không công chứng. Thẩm phán, Thư ký nghiêm túc rút kinh nghiệm

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty P phải trả Công ty C số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 118.972.750.003 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 47.986.856.605 đồng, lãi trong hạn là: 2.127.447.227 đồng, lãi quá hạn là: 68.858.446.171 đồng. Trường hợp Công ty P không trả được nợ cho Công ty C thì đề nghị xử lý các tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ. Công ty P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí Công ty C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các các Điều 221, 223, 274, 275, 280, 292, 293, 295, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 430, 450, 463, 465, 466, 468, 470 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào các Điều 12; 51; 54 ; 90; 91; 95 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010 ngày 16/06/2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C. Buộc Công ty P phải trả cho Công ty C số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/01/2018) là: 118.972.750.003đ (*Một trăm mười tám tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, không trăm linh ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 47.986.856.605đ (*Bốn mươi bảy tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm linh năm đồng*), lãi trong hạn là: 2.127.447.227đ (*Hai tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu,*

bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng), lãi quá hạn là: 68.858.446.171đ (*Sáu mươi tám tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm bảy mươi mốt đồng*) và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Trong trường hợp Công ty P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Công ty C có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận K, TP Hải Phòng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng 312,0 m² đất ở, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Lô số 112 BT01, số 97, đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH682037, số vào sổ cấp GCN: CH00017 ngày 17/4/2012 do UBND quận H, TP.Hải Phòng cấp cho bà Vũ Thị C.

- Tài sản thứ 2: Xe nâng đã qua sử dụng, nhãn hiệu FANTUZZI CS45KM, số khung 500884, số động cơ TWD1031VE*213*320514 của Công ty G. Hiện nay, đang do Cảng xuất nhập khẩu P, thành phố M, tỉnh Q quản lý sử dụng.

- Tài sản thứ 3: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất, giá trị đầu tư trên diện tích 19.549,9 m² đất thuê tại xã LT, huyện AD, TP.Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 538504, số vào sổ cấp GCN: CT00561 ngày 28/12/2011 do UBND thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty P.

- Tài sản thứ 4: Quyền sử dụng 346,5m² đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 279, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Lô số 119 BT01, số 97, đường B, phường HL, quận H, TP.Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 627088, số vào sổ cấp GCN: CH00090 ngày 03/10/2012 do UBND quận H, TP.Hải Phòng cấp cho bà Vũ Thị C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà Công ty P, phải tiếp tục thanh toán cho Công ty C theo quyết định của Tòa án, cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty C về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty P là phân bón các loại bao gồm cả hàng hóa đang được thế chấp tại Ngân hàng V (để tại kho của khách hàng).

2. Về án phí: Trả lại cho Công ty C số tiền 108.000.000đ (*Một trăm linh tám triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu ký hiệu AA/2014 số 0003242 ngày 30/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Hải Phòng.

Công ty P phải chịu 226.972.750đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND quận K;
- TAND tp Hải Phòng;
- Chi cục THA Dân sự K;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình